

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Trần Như Học.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Ngọc H, sinh năm 1971 (có mặt).

Cư trú: Khóm S, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khóm CN, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị Thùy N (Dương Thùy N), sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Ngọc H trình bày: Anh và chị Dương Thị Thùy N tự nguyện kết hôn năm 1995 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phan Thành L, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành nên anh không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Dương Thị Thùy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/8/1995 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, anh H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng nên ly thân từ ngày 19/3/2017 cho đến nay không hàn gắn chung sống lại được và anh chị làm đơn thuận tình ly hôn vào ngày 05/01/2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã biết anh H kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ chị N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh H đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Anh H và chị N hiện không còn chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Phan Thành L, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành nên anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh H và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H. Cho anh Phan Ngọc H được ly hôn với chị Dương Thị Thùy N.

2. Án phí hôn nhân gia đình anh H phải chịu 300.000 đồng, anh đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007089 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Dương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND Phường 7, tHnh phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên